

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-PT.

Ngày: m 04/4/2022

V/v: “*Tranh chấp về đòi TS*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;
Ông Nguyễn Xuân Thọ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng—
Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2021/TLPT- DS ngày 13/12/2021 về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2022/QĐ-PT ngày 14/02/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tr, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Nh có mối quan hệ quen biết. Ngày 10/5/2018, tại nhà bà, bà đã cho bà Nh vay 100.000.000 đồng. Khi bà Nh nhận tiền không lập Biên nhận vay tiền, nhưng bà Nh có viết Giấy mua bán xe ô tô có BKS 98 A05007 của bà Nh cho bà với giá 100.000.000 đồng. Hẹn trong vòng một tuần bên bán không trả được tiền thì bên mua là bà sẽ có quyền xử lý xe ô tô. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Nhưng bà Nh có nói với bà là khi nào bà Nh trả tiền gốc thì bà Nh sẽ trả cả tiền lãi cho bà. Mặc dù hai bên thỏa thuận có nội dung bán xe ô tô nhưng việc cam kết này chỉ là để đảm bảo cho khoản nợ mà bà Nh đã vay của bà. Sau khi bà Nh vay tiền của bà thì bà Nh vẫn quản lý xe ô tô của bà Nh. Đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Nh trả tiền, nhưng bà Nh cứ khát nợ và trốn tránh không trả tiền cho bà. Kể từ đó đến nay, bà Nh vẫn chưa trả tiền cho bà. Số tiền mà bà cho bà Nh vay là của cá nhân bà do vợ chồng bà đã ly hôn từ năm 2009. Nay bà yêu cầu bà Nh phải trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000đ. Bà đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu và không yêu cầu bà Nh phải trả tiền lãi. Bà Nh có khai là sau 4 ngày vay tiền tức ngày 14/5/2018, bà Nh đã đi cùng với anh Hoàng Quang T đến nhà bà để trả cho bà số tiền 100.000.000đ gốc và 800.000đ tiền lãi là không đúng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh đã trình bày: Bà làm tổ trưởng tổ vay vốn của xã T. Ngày 10/5/2018, bà có vay của bà H số tiền 100.000.000đ với mục đích là bà vay tiền hộ cho khách hàng, để đảo sổ vay của Ngân hàng. Khi vay tiền, bà có viết giấy bán xe ô tô cho bà H và hẹn sau một tuần tức là 7 ngày (đến ngày 17/5/2018), bà sẽ trả tiền cho bà H. Hai bên không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 2000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Bà viết Giấy mua bán xe ô tô với bà H chỉ có mục đích là để làm tin, đảm bảo cho khoản vay 100.000.000đ đối với bà H. Sau khi vay tiền, bà vẫn quản lý xe ô tô mà không giao xe ô tô cho bà H. 4 ngày sau khi bà vay tiền của bà H, (tức là ngày 14/5/2018), khách hàng đã trả tiền cho bà tiền nên bà cùng bạn của bà là anh Hoàng Quang T đã đến gặp bà H tại nhà bà H. Bà đã trả cho bà H 100.000.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi. Khi bà trả tiền cho bà H thì bà đã sơ xuất là không yêu cầu bà H trả lại Giấy mua bán xe ô tô gốc cho bà. Ngày 09/5/2020, bà và bà H đã nhắn tin cho nhau trên mạng xã hội (qua zalo) bà có đòi bà H phải trả cho bà Giấy mua bán xe bản gốc. Bà H đã chụp lại Giấy mua bán xe ghi ngày 10/5/2018 và gửi trả cho bà Giấy mua bán xe qua zalo. Nay, bà H khởi kiện đòi tiền bà thì bà không đồng ý. Chồng bà là ông Liên không liên quan gì đến việc tranh chấp giữa bà với bà H. Trong năm 2018-2019, bà có ký làm chứng vào Giấy biên nhận của chị Nguyễn Thị Th (ở Trại Q, xã T) có

nội dung chị Th vay tiền của bà H với lãi suất cao. Do chị Th không trả tiền cho bà H nên bà H ép bà phải trả tiền cho bà H theo Giấy mua bán xe ô tô này.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 BLTTDS, Điều 149; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 470 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 100.000.000đ theo Giấy mua bán xe ô tô ghi ngày 10/5/2018 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Nh.

2. Về án phí DSST: Buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho chị Hạnh số tiền 2.500.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị Hạnh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/20217/0005392 ngày 12/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2021, bà Nh nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Bà Nh đã trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà H và ký vào Giấy mua bán xe ô tô với bà H nhưng 4 ngày sau khi bà vay tiền của bà H, (tức là ngày 14/5/2018), bà cùng anh Hoàng Quang T đã đến gặp bà H tại nhà bà H để trả cho bà H 100.000.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi. Khi trả tiền cho bà H, bà đã sơ xuất là không yêu cầu bà H trả lại Giấy mua bán xe ô tô. Ngày 09/5/2020, bà và bà H đã nhắn tin cho nhau trên mạng xã hội (qua zalo). Bà yêu cầu bà H trả cho bà Giấy mua bán xe gốc ghi ngày 10/5/2018, bà H đã chụp hình ảnh Giấy mua bán xe ghi ngày 10/5/2018 và gửi trả cho bà qua zalo. Bà đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập những người làm chứng là anh Hoàng Quang T và ông Phạm Văn Th1 đến phiên tòa để đối chất với bà H về việc anh T, ông Th1 đã chứng kiến việc bà đã trả tiền cho bà H. Trong năm 2018-2019, bà có ký làm chứng vào Giấy biên nhận vay tiền của chị Th với bà H với lãi suất cao. Do chị Th không trả tiền cho bà H nên bà H ép bà phải trả tiền cho bà H theo Giấy mua bán xe ô tô này. Bà không đồng ý trả tiền cho bà H. Hơn nữa việc vay mượn tiền giữa bà với bà H từ ngày 14/5/2018

đến nay là đã hết thời hiệu khởi kiện. Nay bà H không có quyền khởi kiện đòi tiền bà nữa hết.

+ Bà H đã trình bày: Bà Nh cho rằng đã trả tiền cho bà nhưng bà Nh không có chứng cứ để chứng minh. Việc bà H cho rằng do sơ suất nên bà Nh không đòi lại giấy gốc là không đúng. Việc bà chụp hình ảnh “Giấy mua bán xe” gửi qua zalo cho bà Nh chỉ có mục đích là để cho bà Nh biết về việc bà có bằng chứng để bà khởi kiện đòi tiền bà Nh tại Tòa án. Nếu bà Nh đã trả hết tiền cho bà thì bà Nh phải yêu cầu bà trả lại cho bà Nh Giấy mua bán xe gốc. Bà Nh không có bằng chứng về việc bà đã nhận tiền của bà Nh qua tin nhắn của bà gửi cho bà Nh qua mạng xã hội zalo. Nay, bà Nh cho rằng bà đã trả Giấy mua bán xe ô tô cho bà Nh qua zalô nên bà không có quyền khởi kiện bà Nh là không có căn cứ. Mục đích khởi kiện của bà đối với bà Nh là bà chỉ là đòi tiền của bà Nh, bà không đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của Giấy mua bán xe ô tô giữa các bên.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh: Sửa một phần bản án sơ thẩm đã xử: Hủy Giấy mua bán xe ô tô giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà H trình bày: Ngày 10/5/2018, bà Nguyễn Thị H đã cho bà Nguyễn Thị Nh vay 100.000.000 đồng. Giữa 2 bên không lập Biên nhận vay tiền, nhưng bà Nh có viết và ký vào Giấy mua bán xe ô tô có nội dung: Bà Nh bán cho bà H xe ô tô của bà Nh có BKS 98 A05007 với giá 100.000.000 đồng. Hẹn trong vòng một tuần bên bán không trả được tiền thì bên mua sẽ có quyền xử lý xe ô tô. Nhưng sau 7 ngày kể từ ngày bà Nh nhận tiền của bà H, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Nh trả tiền, nhưng bà Nh vẫn cứ khất nợ với bà H. Nay, bà H yêu cầu bà Nh phải trả cho bà H số tiền gốc là 100.000.000đ. Bà H không yêu cầu bà Nh phải trả tiền lãi.

Bà Nh đã thừa nhận có vay của bà H số tiền 100.000.000đ vào ngày 10/5/2018 nhưng sau 4 ngày vay tiền thì ngày 14/5/2018 thì bà Nh và anh Hoàng

Quang T đã trả cho bà H 100.000.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi tại nhà bà H. Khi bà trả tiền cho bà H thì có bạn của bà H là ông Phạm Văn Th1 và có con dâu và con trai của bà H chứng kiến. Bà Nh đã sơ xuất là không yêu cầu bà H trả lại Giấy mua bán xe ô tô gốc. Nhưng bà H đã trả cho bà Nh hình ảnh của Giấy mua bán xe ô tô qua tin nhắn trên mạng xã hội (zalo). Nay, bà H không có quyền đòi tiền của bà Nh nữa

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho bà H số tiền 100.000.000đ theo Giấy mua bán xe ô tô ghi ngày 10/5/2018 giữa bà H và bà Nh.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nh nộp đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

[1] Xét kháng cáo của bà Nh về việc bà Nh không đồng ý trả tiền cho bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H xuất trình Giấy mua bán xe ô tô có chữ ký bà Nh có nội dung bà Nh bán xe ô tô có BKS 98 A05007 cho bà H với giá 100.000.000đ. Bà Nh đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ của bà H. Hẹn trong vòng một tuần bên bán không trả được tiền thì bên mua sẽ có quyền xử lý xe ô tô.

Cả hai bên đương sự đều thừa nhận việc cam kết mua bán xe ô tô này chỉ là để đảm bảo cho khoản nợ của bà Nh đối với bà H. Sau khi bà Nh vay tiền của bà thì bà Nh vẫn quản lý xe ô tô và Giấy đăng ký xe ô tô BKS 98 A05007.

Như vậy, giữa 2 bên thiết lập “Hợp đồng mua bán xe ô tô” nhưng có bản chất là “Hợp đồng vay tài sản” có quy định về thời hạn trả nợ.

Bà H trình bày: Đã quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày bà Nh vay tiền của bà H nhưng bà Nh không trả tiền cho bà H.

Bà Nh lại trình bày: Ngày 14/5/2018, bà Nh đã trả cho bà H số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi của số tiền trên là 800.000đ tại nhà bà H. Có người làm chứng là anh Hoàng Quang T và ông Phạm Văn Th1 chứng kiến việc bà Nh trả tiền cho bà H.

Người làm chứng là anh Hoàng Quang T (tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 23/9/2021) đã trình bày: Bà Nh có rủ anh đến nhà bà H để bà Nh trả tiền cho bà H. Tại bàn uống nước của bà H, anh có chứng kiến việc bà Nh trả tiền cho bà H. Khi đó còn có một số người chứng kiến đó là: Con dâu, con trai của bà H và ông Phạm Văn Th1 - Bí thư Chi bộ thôn L, xã Đ (bạn của bà H), (BL 157,158).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/9/2021, anh T lại khai: “Việc bà Nh đưa bao nhiêu tiền cho bà H thì anh không biết, sau khi bà Nh đưa tiền cho bà H thì anh có ra ngoài sân của bà H chơi”, (BL 206).

Tại Bản tự khai ngày 28/9/2021 ông Phạm Văn Th1 đã trình bày: Ông có quen biết bà Nh, bà H và anh T. Việc anh T, bà Nh có đến trả tiền bà H khi nào thì ông không biết, ông không chứng kiến về vấn đề này, (BL 174).

Tại biên bản xác minh ngày 28/9/2021, đại diện của Công an xã Đ đã cung cấp cho Tòa án: “Hiện nay con trai và con dâu của bà H đang đi làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều năm nay không về địa phương”, (BL 177).

Xét thấy: Lời trình bày của bà Nh về việc bà Nh đã trả tiền cho bà H không được bà H thừa nhận. Lời khai của những người làm chứng lại mâu thuẫn với nhau nên không đảm bảo tính khách quan.

Bà Nh còn trình bày: Ngày 09/5/2020, bà Nh và bà H đã nhắn tin cho nhau trên mạng xã hội (qua zalo), bà Nh có đòi bà H phải trả cho bà Nh Giấy mua bán xe bản gốc. Bà H đã chụp lại Giấy mua bán xe ghi ngày 10/5/2018 và gửi trả cho bà Nh Giấy mua bán xe qua zalo. Việc bà H đã chụp hình ảnh Giấy mua bán xe ô tô gửi cho bà H qua zalo nên bà H không có quyền khởi kiện đòi tiền của của bà Nh. Bà Nh còn xuất trình cho Tòa án bản phô tô các tin nhắn của người có nickname là Hanhbach gửi cho bà Nh qua mạng xã hội.

Bà H thừa nhận người gửi tin nhắn cho bà Nh có nickname là Hanhbach và trình bày: Việc bà H chụp hình ảnh “Giấy mua bán xe” gửi qua zalo cho bà Nh chỉ có mục đích là để cho bà Nh biết về việc bà H có bằng chứng để bà H khởi kiện đòi tiền bà Nh tại Tòa án. Nếu bà Nh đã trả hết tiền cho bà thì bà Nh phải yêu cầu bà H trả lại cho bà Nh Giấy mua bán xe gốc.

Hội đồng xét xử có xem một số bản phô tô các tin nhắn của người có nickname là Hanhbach do bà Nh xuất trình (BL 118-134) thì thấy: Không có nội dung nào thể hiện người có nickname là Hanhbach đã thừa nhận đã nhận số tiền 100.000.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi của bà Nh.

Xét thấy: Việc bà H đã trả hình ảnh Giấy mua bán xe ô tô cho bà Nh qua mạng xã hội không làm mất đi tính pháp lý của bản gốc Giấy mua bán xe ô tô giữa bà H với bà Nh. Việc bà H chụp hình ảnh Giấy mua bán xe ô tô gửi cho bà H qua zalo không có nghĩa là bà H đã thừa nhận về việc bà H đã nhận tiền của bà Nh vì bà H vẫn đang quản lý Giấy mua bán xe ô tô, (bản gốc).

Do bà Nh không có chứng cứ chứng minh về việc bà Nh đã trả hết tiền cho bà H, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Nh phải trả tiền cho bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bà Nh còn kháng cáo cho rằng: Việc vay mượn tiền giữa bà với bà H từ ngày 14/5/2018. Nay bà H mới khởi kiện đòi tiền bà là đã hết thời hiệu khởi kiện. Về nội dung này thì thấy:

Theo sự phân tích ở phần trên, giữa 2 bên thiết lập “Hợp đồng mua bán xe ô tô” nhưng có bản chất là “Hợp đồng vay tài sản”. Bà H chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nh phải trả tiền gốc mà không yêu cầu tiền lãi nên Tòa sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi tài sản” mà không phải là “Vay tài sản”. Theo quy định của BLDS thì việc yêu cầu “Đòi tài sản” không quy định áp dụng thời hiệu.

[3] Về Giấy mua bán xe ô tô giữa 2 bên đương sự ghi ngày 10/5/2018 thì thấy:

Tại Đơn khởi kiện bổ sung (không ghi ngày, BL 17) và tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2021, (BL 161) bà H yêu cầu bà Nh trả tiền cho bà H và đề nghị hủy Giấy mua bán xe ô tô ghi ngày 10/5/2018.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nh trả tiền cho bà H theo Giấy mua bán xe ô tô này nhưng lại không hủy giao dịch mua bán xe ô tô giữa 2 bên đương sự và bản án sơ thẩm đã nhận định: “Bà H cho rằng 2 bên có lập Giấy mua bán xe ô tô ghi ngày 10/5/2018, thực tế là giấy cam kết cho vay mượn tiền 100.000.000đ được thể hiện trong nội dung Giấy mua bán xe, bà H đề nghị Tòa án không hủy Giấy mua bán xe ghi ngày 10/5/2018 mà giữ nguyên. Xét thấy yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên Giấy mua bán xe ô tô ngày 10/5/2018 giữa bà H với bà Nh”.

Việc nhận định của bản án sơ thẩm như trên là không đúng ý chí của bà H và không đúng quy định pháp luật. Vì nếu như bà H đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng mua bán xe ô tô (công nhận Giấy mua bán xe ô tô có giá trị pháp lý) thì các bên phải thực hiện theo cam kết là bà Nh phải trả cho bà H chiếc xe ô tô có BKS 98 A05007 sau 7 ngày nếu bà Nh không trả cho bà H số tiền 100.000.000đ. Bà H không thể khởi kiện đòi tiền của bà Nh trong khi bà H lại muốn giữ nguyên Giấy mua bán xe ô tô (tức công nhận Hợp đồng chuyển nhượng chiếc xe ô tô nói trên).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đã trình bày: Mục đích của bà H chỉ là đòi tiền của bà Nh thôi, bà H không đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của Giấy mua bán xe ô tô giữa các bên.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm: Hủy Giấy mua bán xe ô tô giữa các bên.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Nh không phải nộp án phí DSPT.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh: Sửa một phần bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 BLTTDS, Điều 149; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 470 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Hủy Giấy mua bán xe ô tô ghi ngày 10/5/2018 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Nh.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ, (một trăm triệu đồng chẵn).

3. Về án phí DSST: Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà H số tiền 2.500.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/20217/0005392 ngày 12/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Về án phí DSPT: Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Nh đã nộp đủ số tiền án phí DSPT theo biên lai thu tiền số AA/20219/0003016 ngày 30/9/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

